1. Đăng ký tài khoản

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Use case name** | Đăng kí tài khoản | |
| **Scenario** |  | |
| **Trigger event** | Người dùng là khách hàng cần tạo tài khoản và sử dụng. | |
| **Brief description** | Use case miêu tả việc quản lý tài khoản khi có khách hàng mới cần được tạo tài khoản và sử dụng. | |
| **Actor** | Customer | |
| **Related use case** |  | |
| **Stakeholder** | Admin | |
| **Pre Condition** | Việc tạo tài khoản chỉ được thực hiện khi có khách hàng mới cần được tạo tài khoản để truy cập vào hệ thống. | |
| **Post Condition** | Tài khoản lưu thông tin người dùng được thêm vào cơ sở dữ liệu. | |
| **Flow of activities** | **Actor** | **System** |
| 1. Chọn mục đăng ký tài khoản ở giao diện đăng nhập. 2. Nhập đầy đủ thông tin khách hàng. 3. Chọn nút đăng ký. | 1. Giao diện đăng nhập 2. Giao diện đăng ký tài khoản 3. Kiểm tra tài khoản:   3.1. Thông báo nhập lại nếu thông tin không hợp lệ.  3.2. Kiểm tra tên tài khoản đã được tạo trước đó hay chưa  3.2.1. Thông báo khi tên tài khoản bị trùng  3.2.2. Thông báo đăng kí thành công nếu tên tài khoản không bị trùng. |

Bảng 1. Use case Đăng kí tài khoản

1. Tìm Kiếm

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Use case name** | Tìm kiếm | |
| **Scenario** |  | |
| **Trigger event** | Người dùng cần tìm kiếm hoặc lọc thông tin nhà đất theo nhu cầu. | |
| **Brief description** | Use case miêu tả việc tìm kiếm thông tin khi người dùng có nhu cầu. | |
| **Actor** | Customer, Admin, Customer Signed up | |
| **Related use case** |  | |
| **Stakeholder** |  | |
| **Pre Condition** | Việc tìm kiếm chỉ được thực hiện khi có người dùng cần tìm thông tin nhà đất trên hệ thông | |
| **Post Condition** | Lượt truy cập sẽ được thêm vào cơ sở dữ liệu. | |
| **Flow of activities** | **Actor** | **System** |
| 1. Chọn mục Tìm kiếm ở giao diện hệ thông 2. Nhập thông tin cần tìm kiếm hoặc lọc theo nhu cầu 3. Chọn nút Tìm kiếm. | 1. Giao diện Tìm kiếm 2. Kiểm tra dữ liệu:    1. Thông báo nhập lại nếu thông tin không tồn tại.    2. Kiểm tra thông tin đã nhập.    3. Hiện thị kết quả tìm kiếm trên màn hình. |

Bảng 2. Use case Tìm Kiếm

1. **Quản lý tài khoản**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Use case name** | Sửa thông tin tài khoản | |
| **Screnario** | Người dùng chỉnh sửa tài khoản khi thông có sai sót. | |
| **Trigger event** | Người dùng cần chỉnh sửa thông tin tài khoản của mình. | |
| **Brief description** | Trong quá trình tạo tài khoản có thể sẽ có sai sót, nhân viên sẽ cần chỉnh sửa lại thông tin chính xác cho tài khoản của mình. | |
| **Actor** | Customer Signed up | |
| **Related use case** | Đăng nhập | |
| **Stakeholder** | Admin | |
| **Pre Condition** | Việc chỉnh sửa thông tin tài khoản được thực hiện khi thông tin trong tài khoản có sai sót hoặc có sự thay đổi về thông tin cá nhân. Người dùng cần đăng nhập để sử dụng chức năng của hệ thống. | |
| **Post Condition** | Thông tin mới của người dùng được cập nhật chính xác. | |
| **Flow of activities** | **Actor** | **System** |
| 1. Chọn chỉnh sửa tài khoản 2. Nhập đầy đủ thông tin cần chỉnh sửa 3. Chọn nút chỉnh sửa | 1. Giao diện quản lí tài khoản 2. Giao diện chỉnh sửa tài khoản 3. Kiểm tra tài khoản:   3.1. Thông báo nhập lại nếu thông tin không hợp lệ, hoặc nhập thiếu.  3.2. Cập nhật thông tin tài khoản và thông báo chỉnh sửa thành công. |

Bảng 3. Use case Chỉnh sửa thông tin tài khoản

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Use case name** | Đổi mật khẩu | |
| **Screnario** | Người dùng cần thay đổi mật khẩu khi cần thiết | |
| **Trigger event** | Người dùng cần thay đổi mật khẩu tài khoản của mình. | |
| **Brief description** | Trong quá trình sử dụng, người dùng có thể để lỗ thông tin đăng nhập, người dùng sẽ cần thay đổi mật khẩu đảm bảo tính bảo mật tài khoản của mình. | |
| **Actor** | Customer Signed up | |
| **Related use case** | Đăng nhập | |
| **Stakeholder** | Admin | |
| **Pre Condition** | Việc thay đổi mật khẩu được thực hiện khi thông tin trong tài khoản bị lộ ra ngoài và cần tăng tính bảo mật cho tài khoản. | |
| **Post Condition** | Tài khoản đăng nhập của người dùng được cập nhật mới | |
| **Flow of activities** | **Actor** | **System** |
| 1. Chọn Quên mật khẩu 2. Nhập đầy đủ thông tin cần Thay đổi 3. Chọn nút Cập nhật | 1. Giao diện quản lí tài khoản 2. Giao diện Quên mật khẩu 3. Kiểm tra tài khoản:    1. Thông báo nhập lại nếu thông tin không hợp lệ, hoặc nhập thiếu.   3.2. Cập nhật thông tin tài khoản và thông báo chỉnh sửa thành công. |

Bảng 4. Use case Đổi mật khẩu

1. Quản lý tài khoản Customer

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Use case name** | Thêm tài khoản | |
| **Scenario** | Khách hàng mới cần được cung cấp tài khoản. | |
| **Trigger event** | Người dùng là khách hàng mới cần tạo tài khoản và sử dụng. | |
| **Brief description** | Use case miêu tả việc quản lý tài khoản khi có khách hàng mới cần được tạo tài khoản và sử dụng thì admin sẽ tạo thêm tài khoản với đầy đủ thông tin của khách hàng vào hệ thống. | |
| **Actor** | Admin | |
| **Related use case** | Đăng nhập | |
| **Stakeholder** | Customer | |
| **Pre Condition** | Việc tạo tài khoản chỉ được thực hiện khi có khách hàng mới cần được tạo tài khoản để truy cập vào hệ thống.  Admin phải đăng nhập để sử dụng chức năng của hệ thống. | |
| **Post Condition** | Tài khoản lưu thông tin khách hàng được thêm vào cơ sở dữ liệu. | |
| **Flow of activities** | **Actor** | **System** |
| 1. Chọn mục đăng ký tài khoản ở giao diện đăng nhập. 2. Nhập đầy đủ thông tin khách hàng 3. Chọn nút đăng ký. | 1. Giao diện đăng nhập 2. Giao diện đăng ký tài khoản 3. Kiểm tra tài khoản:   3.1. Thông báo nhập lại nếu thông tin không hợp lệ.  3.2. Kiểm tra tên tài khoản đã được tạo trước đó hay chưa  3.2.1. Thông báo khi tên tài khoản bị trùng  3.2.2. Thông báo đăng kí thành công nếu tên tài khoản không bị trùng. |

Bảng 5. Use case Thêm tài khoản

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Use case name** | Chỉnh sửa tài khoản | |
| **Screnario** | Người dùng cần chỉnh sửa tài khoản khi thông có sai sót. | |
| **Trigger event** | Người dùng cần chỉnh sửa thông tin tài khoản của mình. | |
| **Brief description** | Trong quá trình tạo tài khoản cho Người dùng có thể sẽ có sai sót, Người dùng sẽ cần chỉnh sửa lại thông tin chính xác cho tài khoản của mình. Admin sẽ thực hiện chỉnh sửa thông tin cho Người dùng | |
| **Actor** | Admin | |
| **Related use case** | Đăng nhập | |
| **Stakeholder** | Customer Singed up | |
| **Pre Condition** | Việc chỉnh sửa thông tin tài khoản được thực hiện khi thông tin trong tài khoản có sai sót hoặc có sự thay đổi về thông tin cá nhân. Admin cần đăng nhập để sử dụng chức năng của hệ thống. | |
| **Post Condition** | Thông tin mới của Người dùng được cập nhật chính xác. | |
| **Flow of activities** | **Actor** | **System** |
| 1. Chọn chỉnh sửa tài khoản 2. Nhập đầy đủ thông tin cần chỉnh sửa 3. Chọn nút chỉnh sửa | 1. Giao diện quản lí tài khoản 2. Giao diện chỉnh sửa tài khoản 3. Kiểm tra tài khoản:   3.1. Thông báo nhập lại nếu thông tin không hợp lệ, hoặc nhập thiếu.  3.2. Cập nhật thông tin tài khoản và thông báo chỉnh sửa thành công. |

Bảng 6. Use case Chỉnh sửa tài khoản

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Use case name** | Xóa tài khoản | |
| **Screnario** | Xóa tài khi tài khoản không còn được sử dụng. | |
| **Trigger event** | Xóa tài khoản của người dùng. | |
| **Brief description** | Khách hàng là Thành viên của Website không còn hoạt động trên web trong thời gian dài, Admin sẽ xóa tài khoản cùng với thông tin của khách hàng khỏi hệ thống. | |
| **Actor** | Admin | |
| **Related use case** | Đăng nhập | |
| **Stakeholder** | Customer Singed up | |
| **Pre Condition** | Việc xóa tài khoản được thực hiện khi tài khoản không còn được sử dụng trong hệ thống.  Admin cần đăng nhập để sử dụng chức năng của hệ thống. | |
| **Post Condition** | Tài khoản được xóa thành công khỏi hệ thống. | |
| **Flow of activities** | **Actor** | **System** |
| 1. Chọn nút xóa tài khoản trên giao diện quản lí tài khoản | 1. Giao diện quản lí tài khoản 2. Thực hiện xóa tài khoản khỏi hệ thông và thông báo xóa tài khoản thành công. |

Bảng 7. Use case Xóa tài khoản

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Use case name** | Hỗ trợ đổi password | |
| **Screnario** | Người dùng cần thay đổi mật khẩu khi cần thiết | |
| **Trigger event** | Người dùng cần thay đổi mật khẩu tài khoản của mình. | |
| **Brief description** | Trong quá trình sử dụng, người dùng có thể để lỗ thông tin đăng nhập, người dùng sẽ cần thay đổi mật khẩu đảm bảo tính bảo mật tài khoản của mình. Admin sẽ hỗ trợ việc thay đổi mật khẩu cho gười dùng | |
| **Actor** | Admin | |
| **Related use case** | Đăng nhập | |
| **Stakeholder** | Customer Singed up | |
| **Pre Condition** | Việc thay đổi mật khẩu được thực hiện khi thông tin trong tài khoản bị lộ ra ngoài và cần tăng tính bảo mật cho tài khoản. Admin cần đăng nhập để sử dụng chức năng của hệ thống. | |
| **Post Condition** | Tài khoản đăng nhập của người dùng được cập nhật mới | |
| **Flow of activities** | **Actor** | **System** |
| 1. Chọn Quên mật khẩu 2. Nhập đầy đủ thông tin cần Thay đổi 3. Chọn nút Cập nhật | 1. Giao diện quản lí tài khoản 2. Giao diện Quên mật khẩu 3. Kiểm tra tài khoản:   3.1. Thông báo nhập lại nếu thông tin không hợp lệ, hoặc nhập thiếu.  3.2. Cập nhật thông tin tài khoản và thông báo chỉnh sửa thành công. |

Bảng 8. Use case Hỗ trợ thay đổi password

1. **Use case Đăng nhập**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Use case name** | Đăng nhập | |
| **Screnario** | Người dùng cần sử dụng tài khoản để thao tác các chức năng khách hệ thống. | |
| **Trigger event** | Người dùng sử dụng tài khoản để đăng nhập. | |
| **Brief description** | Người dùng cần sử dụng tài khoản đã tạo để đăng nhập vào hệ thống. | |
| **Actor** | Admin, Customer Signer up | |
| **Related use case** |  | |
| **Stakeholder** |  | |
| **Pre Condition** | Việc đăng nhập chỉ được thực hiện khi người dùng cần truy cập vào hệ thống và chỉ thành công khi tài khoản đã được tạo trước đó. | |
| **Post Condition** | Người dùng đăng nhập thành công khi tài khoản hợp lệ | |
| **Flow of activities** | **Actor** | **System** |
| 1. Nhập tài khoản và mật khẩu   2. Chọn nút đăng nhập | 1. Giao diện đăng nhập. 2. Kiểm tra tài khoản:   2.1:Thông báo nhập lại nếu thông tin không hợp lệ.  2.2. Kiểm tra thông tin đăng nhập:  2.2.1. Thông báo khi sai thông tin đăng nhập với dữ liệu tài khoản trong cơ sở dữ liệu  2.2.2. Thông báo đăng nhập thành công nếu tài khoản hợp lệ |

Bảng 9. Use case Đăng nhập

1. Quản lý Đăng tin nhà đất

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Use case name** | Quản lý đăng tin bài viết | |
| **Scenario** |  | |
| **Trigger event** | Khi cần đăng bài mua bán nhà đất, chỉnh sửa hoặc xóa một bài đăng. | |
| **Brief description** | Use case này miêu tả việc quản lý đăng tin nhà đất trong hệ thông. Khi cần thêm, chỉnh sửa hoặc xóa một bài đăng. | |
| **Actor** | Admin, Customer Signed up | |
| **Related use case** | Đăng nhập | |
| **Stakeholder** | Customer | |
| **Post Condition** | Việc kiểm tra chỉ được thực hiện khi người dùng đăng bài viết, thêm, sửa hoặc xóa hẳn một bài đăng của người dùng | |
| **Flow of  activites** | **Actor** | **System** |
| 1. Khi tạo một bài đăng mới    1. Nhấn nút Tạo bài viết    2. Nhập thông tin chi tiết    3. Nhấp nút Đăng 2. Khi xoá bài đăng    1. Nhấn nút Remove    2. Nhấn vào dấu “-”    3. Nhấn nút Đồng ý 3. Khi sửa thông tin bài đăng    1. Click vào hàng dữ liệu thông tin    2. Nhập thông tin cần sửa    3. Nhấn nút cập nhật | 1. Thêm mới phía dưới cùng    1. Hiển thị thông tin vừa nhập    2. Kiểm tra có bị trùng dữ liệu/ hoặc dữ liệu có hợp lệ không       1. Nếu hợp lệ, Cập nhập thành công       2. Không hợp lệ, “Vui lòng nhập lại” 2. Hiển thị dấu “-” trên tất cả hàng dữ liệu    1. Hiển thị khung xác nhận xoá    2. Xác nhận xoá phòng thành công 3. Hàng dữ liệu chuyển sang trạng thái chính sửa    1. Hiển thị thông tin vừa nhập    2. Kiểm tra dữ liệu có hợp lệ không       * 1. -Có, cập nhật thành công         2. -Không, cập nhật thất bại |

Bảng 10. Use case Quản lý đăng tin nhà đất